

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TU  
TỈNH LC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quảng Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vừ Thị Hoa;

Bà Hoàng Thị Luyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lò Văn Som – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa:** Ông Đào Khánh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Vàng Thị N, sinh năm: 1999; Nơi ĐKKHKT: Bản SD, xã MT, huyện TU, tỉnh LC; *(Có mặt).*

2. *Bị đơn:* Anh Kiều Văn T, sinh năm: 1991; Nơi ĐKKHKT: Bản SD, xã MT, huyện TU, tỉnh LC; *(Vắng mặt không có lý do chính đáng).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vàng Thị N trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị N và anh Kiều Văn T tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU, tỉnh LC. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản bản SD, xã MT, huyện TU. Sống chung hạnh phúc đến tháng 9 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình và bất đồng quan điểm sống, anh Kiều Văn T không chịu khó làm ăn, phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu và chửi mắng, đánh đập, xúc phạm vợ con. Mặc dù đã được chị Vàng Thị N cùng gia đình động viên, nhắc nhở nhưng anh T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Từ tháng 9 năm 2021 đến nay, chị Vàng

Thị N và anh Kiều Văn T không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Vàng Thị N xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Kiều Văn T.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Vàng Thị N và anh Kiều Văn T có một con chung chưa thành niên là cháu Kiều Thị AT, sinh ngày 25/10/2017. Trong thời gian chị Vàng Thị N và anh Kiều Văn T ly thân thì cháu Kiều Thị AT ở cùng với chị N. Ly hôn, chị Vàng Thị N có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên và không yêu cầu anh Kiều Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Vàng Thị N đã nộp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2014 ngày 03/5/2017; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 202/2017 ngày 01/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU cấp. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện TU đã thụ lý vụ án và xác minh tại nơi cư trú và đại diện hai bên gia đình chị Vàng Thị N, anh Kiều Văn T xác định: Anh Kiều Văn T và chị Vàng Thị N sống chung có đăng ký kết hôn năm 2017, hiện có hộ khẩu thường trú tại bản SD, xã MT, huyện TU, tỉnh LC, có nhà ở riêng lẻ trên quyền sử dụng đất chung của vợ chồng. Anh chị đều là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại ở địa phương là 3.500.000 đồng/tháng/người. Quá trình chung sống chị N, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Kiều Văn T không chịu khó làm ăn, phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu và chửi mắng, đánh đập, xúc phạm vợ con. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải cho chị N anh T đoàn tụ nhưng không thành. Trong thời gian giải quyết vụ án anh T đi làm ăn xa không rõ địa chỉ làm việc, không quan tâm đến vợ con. Anh Kiều Văn T không có sự thay đổi về nhân khẩu nhưng không có mặt tại nơi cư trú khi Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo, niêm yết kết quả phiên họp theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị Vàng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Kiều Văn T. Anh Kiều Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Các Điều 5; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vàng Thị N ly hôn với anh Kiều Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Vàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Kiều Thị AT, sinh ngày 25/10/2017 cho đến khi cháu Tuyết thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Kiều Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản SD, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo địa chỉ mà nguyên đơn

cung cấp. Tuy nhiên, qua xác minh, anh Kiều Văn T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, đi làm ăn xa không rõ địa chỉ, thi thoảng vẫn về địa phương nhưng không rõ thời điểm trở về cụ thể nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Kiều Văn T. Tại thời điểm tổng đạt các văn bản tố tụng anh Kiều Văn T vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản Nà Phái, xã Phúc Than, huyện TU, tỉnh LC nên căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TU tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 15/9/2022, Tòa án nhân dân huyện TU mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Kiều Văn T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 30/9/2022, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Kiều Văn T đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Kiều Văn T.

### [3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU, tỉnh LC và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Vàng Thị N và anh Kiều Văn T sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 03/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU, tỉnh LC trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Chị Vàng Thị N và anh Kiều Văn T sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Kiều Văn T không chịu khó làm ăn, phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu và chửi mắng, đánh đập, xúc phạm vợ con. Từ tháng 9/2021 đến nay chị N và anh T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh Kiều Văn T không chấp hành các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị Vàng Thị N, anh Kiều Văn T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Vàng Thị N là có căn cứ, phù hợp với các quy

định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Vàng Thị N được ly hôn với anh Kiều Văn T.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 202/2017 ngày 01/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU cấp xác định trong thời kỳ hôn nhân chị Vàng Thị N và anh Kiều Văn T có một con chung chưa thành niên là cháu Kiều Thị AT, sinh ngày 25/10/2017. Từ tháng 9/2021 đến nay, cháu Tuyết sống cùng với chị N.

Xét về điều kiện nuôi con, Anh Kiều Văn T và chị Vàng Thị N đều có Hộ khẩu thường trú tại bản SD, xã MT, huyện TU, tỉnh LC, có nhà riêng lẻ trên quyền sử dụng đất chung của vợ chồng; anh chị có nghề nghiệp là trồng trọt, ngoài ra đi làm thuê, mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã MT, huyện TU khoảng 3.500.000 đồng/tháng/người. Qua xác minh, anh Kiều Văn T thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị Vàng Thị N, trong thời gian cháu Tuyết sống cùng chị N được đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập đầy đủ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Kiều Thị AT hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị N, giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Kiều Thị AT, sinh ngày 01/11/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tuyết thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị N không yêu cầu anh Kiều Văn T cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Vàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;  
- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;  
- **Điều a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vàng Thị N, xử cho chị Vàng Thị N ly hôn với anh Kiều Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Kiều Thị AT, sinh ngày 25/10/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tuyết thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh Kiều Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Vàng Thị N theo Quyết định của Tòa án. Chị N có quyền yêu cầu anh T cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Kiều Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị N không yêu cầu anh Kiều Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) . Xác nhận chị Vàng Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số **AA/2021/0000902 ngày 08/6/2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự;
- UBND xã MT, huyện TU, tỉnh LC;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Quàng Thị Phương**